

Số: *1385* /KH-UBND

Hải Dương, ngày *07* tháng *5* năm 2018

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội
giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

Thực hiện Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án 488);

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh như sau:

I. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI

Theo số liệu báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố đến tháng 12/2017 toàn tỉnh có 252.862 người cao tuổi chiếm trên 14% dân số, có 38.067 người khuyết tật, chiếm 2,08% dân số, có 41.330 người là thương binh, bệnh binh, người nhiễm chất độc hóa học, trên 12.020 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, gần 3.000 người đơn thân nghèo nuôi con nhỏ, trên 4.000 người nhiễm HIV/AIDS đây là bộ phận dân cư cần sự chăm sóc trợ giúp về đời sống vật chất và tinh thần thường xuyên của nhà nước và xã hội. Thiên tai hỏa hoạn, biến đổi khí hậu có nguy cơ ảnh hưởng nhiều đến đời sống của người dân, nhiều hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn. Kết quả thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn toàn tỉnh trong thời gian qua như sau:

1. Trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng

Thực hiện Nghị định số 136/2013/NĐ - CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các Văn bản chỉ đạo của Trung ương, đến tháng 12/2017 toàn tỉnh có 80.347 người được hưởng chính sách trợ giúp xã hội với kinh phí trên 307 tỷ đồng trong đó: Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng có 317 trẻ, Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng 83 người, Người bị nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo có 127 người, Người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc diện hộ nghèo 2.609 người, Người cao tuổi 44.456 người, người khuyết tật 27.807 người, hộ gia đình chăm sóc nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng 4.766 người, nhận chăm sóc nuôi dưỡng tại cộng đồng 182 hộ.

Mức chuẩn trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng hiện nay được thực hiện theo quy định tại Nghị định 136/NĐ - CP là 270.000đồng. Đối với các nhóm đối tượng cụ thể áp dụng được các hệ số khác nhau để tính mức trợ cấp xã hội, chăm sóc xã hội hàng tháng theo hệ số 1- 1,5- 2- 2,5 - 3 qui định.

2. Trợ giúp đột xuất

Kết quả thực hiện năm 2017 về trợ giúp đột xuất có 42 lượt hộ với 124 lượt người bị thiếu đói, 07 người chết và 01 hộ có nhà bị cháy với kinh phí thực hiện là 164.440.000đồng

Mức trợ cấp đột hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với tất cả thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác; hỗ trợ mai táng phí cho hộ gia đình có người chết, mất tích thiên tai, hỏa hoạn... được hỗ trợ với mức bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội.

Hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh những trường hợp khó khăn đột xuất như hộ gia đình bị thiếu đói, giáp hạt; người bị thương nặng do thiên tai hỏa hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú hoặc ngoài nơi cư trú; hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác thì được thực hiện đầy đủ 100% chế độ theo quy định; tỷ lệ từ 80 - 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp từ ngân sách nhà nước hoặc của các tổ chức đoàn thể, xã hội quan tâm hỗ trợ; có khoảng 30 - 40% người có hoàn cảnh khó khăn được cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội

3. Trợ giúp tại các cơ sở Bảo trợ xã hội

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Hải Dương có 03 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc nuôi dưỡng dạy chữ, dạy nghề, phục hồi chức năng cho 1.286 đối tượng bảo trợ xã hội là trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng, người khuyết tật nhẹ và người khuyết tật bị mắc bệnh tâm thần, người cao tuổi.

Trợ cấp cho các đối tượng được chăm sóc nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội, trong đó trợ cấp nuôi dưỡng cho trẻ em dưới 04 tuổi 1.350.000đồng/người/tháng, các đối tượng khác 1.080.000đồng/người/tháng; hỗ trợ mua tư trang, vật dụng sinh hoạt đời sống hàng ngày cho trẻ em dưới 04 tuổi là 1.000.000đồng/người/năm, các đối tượng khác 1.150.000đồng/người/năm, tiền thuốc chữa bệnh đối với người tâm thần là 2.000.000đồng/người/năm, các đối tượng khác 300.000đồng/người/năm.

Trong thời gian qua thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội bước đầu đã đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của người được hưởng, các chính sách hỗ trợ hiện vật, trợ cấp tiền mặt hàng tháng, đột xuất,

nuôi dưỡng tại hộ gia đình và trong các cơ sở bảo trợ xã hội. Các chính sách về bảo đảm dinh dưỡng, y tế, giáo dục có sự ưu tiên cho các nhóm đặc thù như trẻ em dưới 4 tuổi, trẻ em đang đi học, người khuyết tật, người cao tuổi, người đơn thân đã góp phần nâng cao đời sống, mức sống vật chất và tinh thần, góp phần vào làm ổn định tình hình chính trị, văn hóa, xã hội ở các địa phương

Tuy đạt được những kết quả như trên, nhưng hiện nay trên địa bàn của tỉnh còn nhiều người có cuộc sống khó khăn không có nguồn thu nhập như lớp Người cao tuổi trải qua hai cuộc kháng chiến, đa phần tuổi trẻ tham gia hoạt động bảo vệ tổ quốc, đến khi cao tuổi từ 60 đến 79 tuổi sức khỏe yếu, không có thu nhập, cuộc sống chủ yếu dựa vào con cháu, chưa đủ tuổi để hưởng chế độ người cao tuổi theo qui định của Luật Người cao tuổi; thời gian tham gia hoạt động bảo vệ tổ quốc chưa đủ điều kiện để hưởng chính sách người có công, Trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mức trợ cấp hiện nay còn thấp chưa bảo đảm mức sống tối thiểu của người dân, mức trợ cấp hiện nay là 270.000đ chỉ đạt 38,5% so với chuẩn nghèo, trợ cấp đột xuất chưa có tiêu chí rõ ràng để xác định thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng để làm căn cứ xác định hỗ trợ cho những cá nhân, hộ gia đình gặp rủi ro loại này. Còn một số quy định về điều kiện được hưởng chưa rõ ràng, gây khó khăn cho công tác xác định đối tượng hưởng, Mức trợ cấp thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu của các cá nhân, hộ gia đình khắc phục rủi ro ổn định cuộc sống.

Ngoài ra, có nhiều vấn đề xã hội đang phát sinh trong quá trình phát triển đòi hỏi chính sách phải ứng phó kịp thời như chính sách trợ giúp cho nạn nhân mua bán người là phụ nữ và trẻ em hòa nhập cộng đồng; chính sách trợ giúp cho trẻ em bị xâm hại tình dục, bạo lực và bỏ rơi; và các chính sách trợ giúp khác do các địa phương thực hiện nhằm đáp ứng các vấn đề xã hội nảy sinh tại địa phương. Người dân ngày càng có nhu cầu cao về các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người khuyết tật, người tự kỷ... vì vậy cần phải có các chính sách và các cơ sở, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu cần thiết của xã hội. trong khi đó cơ sở vật chất của các Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh do xây dựng đã lâu và ngày càng xuống cấp thiếu các trang thiết bị phục hồi chức năng cho đối tượng chăm sóc tại các trung tâm.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và nhân dân trong thực hiện trợ giúp xã hội;

- Tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân có hoàn cảnh khó khăn; mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội ưu tiên người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn; nâng mức trợ giúp xã hội phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh; bảo đảm người dân gặp rủi ro được hỗ

trợ kịp thời từ Nhà nước và của tỉnh, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội;

- Chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm từng bước tiếp cận tới mức sống tối thiểu cho những người có hoàn cảnh khó khăn, Trợ giúp xã hội hỗ trợ toàn diện cả về vật chất và tinh thần phù hợp với vòng đời con người.

- Lòng ghép hiệu quả công tác trợ giúp xã hội trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh;

- Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia trợ giúp xã hội, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu giai đoạn 2018 - 2020

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; Mở rộng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của nhà nước sống ở vùng núi, dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội; Mở rộng người khuyết tật đặc biệt nặng dạng khuyết tật tâm thần có hoàn cảnh khó khăn được tiếp nhận vào nuôi dưỡng tại cơ sở Bảo trợ xã hội;

b) 60% trở lên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 20% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

c) Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội; tăng cường vai trò tham gia và sự phối hợp liên ngành trong thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng; có chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo; hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, dân tộc thiểu số; tiếp tục mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của trung ương.

b) 80% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; Mở rộng diện đối tượng được hưởng trợ cấp; Điều chỉnh mức trợ cấp phù hợp với ngân sách của tỉnh. Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo; hộ có hoàn cảnh

khó khăn sống ở vùng núi, dân tộc thiểu số; tiếp tục mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của trung ương.

b) 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

IV. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền

a) Nội dung

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội; quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội; các giải pháp, mô hình trợ giúp xã hội hiệu quả, gương điển hình tiên tiến vượt khó và những nội dung khác có liên quan nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả.

- Xây dựng nội dung tuyên truyền về pháp luật, chính sách của Nhà nước và các hoạt động trợ giúp xã hội. Xây dựng các tài liệu tuyên truyền theo hướng gọn, dễ hiểu và đầy đủ thông tin.

- Tuyên truyền thông qua các hình thức: tổ chức các hội nghị, hội thảo; phát hành các sổ tay, cẩm nang, tờ rơi, hỏi đáp; tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông ...vv.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Đài PTTH tỉnh, Báo Hải Dương, MTTQ các cơ quan có liên quan.

2. Trợ giúp khẩn cấp

a) Nội dung

- Triển khai các chính sách và phát triển dịch vụ trợ giúp khẩn cấp theo hướng dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể và khả năng khắc phục rủi ro của cá nhân, hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân của bạo lực gia đình, phụ nữ và trẻ em bị mua bán;

- Khuyến khích các cá nhân, gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp, tổ chức chính trị- xã hội tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các chính sách, chương trình liên quan (phát triển nông thôn mới, việc làm, giảm nghèo bền vững, phòng và giảm tác hại của biến đổi khí hậu), với phát triển các hình thức bảo hiểm (bảo hiểm sản xuất, bảo hiểm tài sản, con người) ở các địa phương có thiên tai, bão lụt, tác động của biến đổi khí hậu có sự hỗ trợ của Nhà nước;

- Tăng cường phân cấp quản lý cho cơ sở và phát huy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên của UBMTTQ trong việc vận động, quản lý và sử dụng nguồn lực, huy động trợ giúp khẩn cấp.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì.

c) Đơn vị phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan.

3. Mạng lưới dịch vụ trợ giúp xã hội

a) Nội dung

- Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, hình thức quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, bảo đảm phù hợp với khả năng huy động nguồn lực trợ giúp xã hội để phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội;

- Xây dựng mô hình gia đình, cá nhân nhận nuôi có thời hạn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi, người khuyết tật không có người chăm sóc, phụng dưỡng; mô hình dạy nghề gắn với tạo việc làm cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người khuyết tật và một số mô hình trợ giúp xã hội khác tại các cơ sở bảo trợ xã hội;

- Đến năm 2025, xây dựng Đề án và thành lập Trung tâm dưỡng lão tỉnh Hải Dương tại Thanh Hà, khuyến khích hoạt động cho các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội công lập đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì.

c) Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố, các sở, ngành có liên quan.

4. Công tác quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội

a) Nội dung

- Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đối tượng trợ giúp xã hội và chi trả trợ cấp, Trợ giúp xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý trong quá trình tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội. quản lý đối tượng thụ hưởng chính sách trợ giúp xã hội, sử dụng số và thẻ an sinh xã hội điện tử.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân tham trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác trợ giúp xã hội.

b) Đơn vị thực hiện: Sở Lao động - Thương binh & Xã hội; Bưu điện tỉnh chủ trì.

c) Đơn vị phối hợp: UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan thực hiện.

5. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội, hình thành nghề công tác xã hội chuyên nghiệp và hoàn thiện mạng lưới cộng tác viên công tác xã hội trên địa bàn tỉnh.

a) Nội dung

- Tổ chức và liên kết với các trường, cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân để đào tạo, đào tạo lại cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội tại xã, phường, thị trấn; các Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội. Phát triển đội ngũ cán bộ xã hội có trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và Đại học.

- Hằng năm tổ chức tập huấn chính sách trợ giúp xã hội, những kỹ năng về công tác xã hội cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên ở huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn; các trung tâm có dịch vụ trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Đơn vị phối hợp: UBND các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí Trung ương hỗ trợ theo từng thời kỳ;

- Kinh phí địa phương theo từng thời kỳ phù hợp với điều kiện ngân sách;

- Kinh phí lồng ghép với các đề án, chương trình khác;

- Kinh phí xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm các cấp trong chỉ đạo, huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

3. Thực hiện chính sách trợ cấp xã hội, trợ giúp xã hội khẩn cấp theo quy định của Chính phủ cho từng thời kỳ theo lộ trình, dựa trên mức độ thiệt hại, mức độ tổn thương, hoàn cảnh cụ thể để xây dựng chế độ, định mức. Áp dụng đầy đủ các chính sách, pháp luật trợ giúp xã hội; khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các đề án, chương trình, chính sách liên quan ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, tác động của biến đổi khí hậu có sự hỗ trợ của Nhà nước.

4. Kinh phí thực hiện được bố trí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phù hợp với khả năng nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp hiện hành, phần còn lại huy động xã hội hóa từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; đồng thời định lượng cụ thể kinh phí thực hiện hàng năm, từng giai đoạn, thời kỳ khi thực hiện kế hoạch

5. Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài trong việc hỗ trợ kinh nghiệm, nguồn lực để trợ giúp cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Tăng cường công tác kiểm tra của các cơ quan nhà nước, giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với công tác trợ giúp xã hội. Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, biểu dương khen thưởng các tập thể và cá nhân làm tốt công tác trợ giúp xã hội từ đó nhân rộng các gương người tốt, việc tốt.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội: Chủ trì phối hợp với các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, các sở, ngành, các cơ quan, tổ chức có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kế hoạch và điều phối các hoạt động; đào tạo nâng cao năng lực cán bộ; tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các sở, ngành có liên quan căn cứ khả năng ngân sách tỉnh hàng năm, tham mưu trình UBND tỉnh bố trí ngân sách, lồng ghép với các chương trình, Đề án liên quan để triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành, cơ quan liên quan vận động các nguồn hỗ trợ cho việc thực hiện Đề án; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm

4. Đài Phát thanh truyền hình, Báo Hải Dương: Tăng cường công tác tuyên truyền về trợ giúp xã hội nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trợ

giúp xã hội. Tuyên truyền, giới thiệu các mô hình trợ giúp xã hội, các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến, các tấm gương tiêu biểu trong công tác trợ giúp xã hội.

5. Các sở ngành, đơn vị có liên quan: Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội của Nhà nước, của tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phù hợp với chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Đề án với các chương trình khác có liên quan trên địa bàn; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện;

- Chỉ đạo UBND cấp xã tổ chức, triển khai và thực hiện bảo đảm đúng quy trình, quy định trên địa bàn, thường xuyên kiểm tra và báo cáo việc thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án ” Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hải Dương. UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo qui định. /.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- TT tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Cơ quan truyền thông của tỉnh;
- Lưu: VT, VX. Lai (42) //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Văn Cầu